

Số: /2023/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số /TTr-SKHHCN ngày tháng 06 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**QUY ĐỊNH**

**Định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước khác của tỉnh thuộc nội dung triển khai của các chương trình, dự án khoa học và công nghệ của quốc gia, của tỉnh theo giai đoạn được áp dụng quy định tại văn bản này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại văn bản này.

2. Văn bản này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Định mức lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại văn bản này là định mức tối đa. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để lập và phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ

và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại văn bản này.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại văn bản này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1**

## **QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

### **Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### **1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

a) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu, số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ). Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 25 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

b) Chi tiết quy định về lập dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

3. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

4. Dự toán chi mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

5. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 98/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước. Ngoài ra, văn bản này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học trên địa bàn tỉnh như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (Đồng)		
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	
				<b>Phương án 1 (80%)</b>	<b>Phương án 2 (60%)</b>
1	Người chủ trì	Buổi	2.000.000	1.600.000	1.200.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	500.000	400.000	300.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	3.000.000	2.400.000	1.800.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.500.000	1.200.000	900.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	300.000	250.000	180.000

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 180/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

7. Dự toán chi tư vấn tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

9. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

## **Mục 2**

### **QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 5. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

**Điều 6. Một số khung định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (Đồng)		
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	
				Phương án 1 (80%)	Phương án 2 (60%)
1	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>				
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng			
	Chủ tịch hội đồng		1.500.000	1.200.000	900.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000.000	800.000	600.000
	Thư ký khoa học		300.000	240.000	200.000
	Thư ký hành chính		300.000	240.000	200.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	160.000	150.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500.000	400.000	300.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	560.000	420.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ			
	Chủ tịch hội đồng		700.000	560.000	420.000
	Phó chủ tịch hội		500.000	400.000	300.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (Đồng)		
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	
				Phương án 1 (80%)	Phương án 2 (60%)
	đồng; thành viên hội đồng				
2	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>				
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng			
	Chủ tịch Hội đồng		1.800.000	1.400.000	1.100.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500.000	1.200.000	900.000
	Thư ký khoa học		300.000	240.000	200.000
	Thư ký hành chính		300.000	240.000	200.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	160.000	150.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700.000	560.000	420.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000.000	800.000	600.000



TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (Đồng)		
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	
				Phương án 1 (80%)	Phương án 2 (60%)
3	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>				
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ			
	Chủ tịch hội đồng		1.800.000	1.400.000	1.100.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500.000	1.200.000	900.000
	Thư ký khoa học		300.000	240.000	200.000
	Thư ký hành chính		300.000	240.000	200.000
	Đại biểu được mời tham dự		200.000	160.000	150.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700.000	560.000	420.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000.000	800.000	600.000
4	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.</b>	Chuyên gia	1.500.000	1.200.000	1.000.000

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại văn bản quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh (nếu có)

được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (Đồng)		
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	
				Phương án 1 (80%)	Phương án 2 (60%)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000.000	800.000	600.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700.000	560.000	420.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300.000	240.000	200.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200.000	160.000	150.000

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Dự toán chi thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 98/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa

bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy định này.

7. Đối với Chương trình, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Ban Chủ nhiệm hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương đảm bảo theo các quy định hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở đảm bảo theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **2. Sở Tài chính**

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Kiểm tra và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.